

# **THÔNG CÁO BÁO CHÍ**

## **Về tình hình kinh tế - xã hội Tỉnh Hà Nam năm 2022**

Năm 2022, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột Nga-Ukraine kéo dài; lạm phát thế giới tăng cao. Ở trong nước, dịch bệnh Covid-19 tuy cơ bản được kiểm soát, nhưng nền kinh tế tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức do biến động kinh tế toàn cầu. Áp lực lạm phát tăng cao; giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh, ảnh hưởng lớn đến nhiều ngành, lĩnh vực tác động trực tiếp đến sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân.

Trước những khó khăn, thách thức, năm 2022 với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, Hà Nam đã tích cực triển khai và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 theo Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND ngày 8/12/2021 của HĐND tỉnh. Trên cơ sở đó, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả quan trọng: Sản xuất công nghiệp, thu hút đầu tư, xuất nhập khẩu, du lịch, hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng khá; sản xuất nông nghiệp duy trì ổn định. Tình hình dịch bệnh Covid-19 cơ bản được kiểm soát, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, du lịch, vui chơi giải trí đã hoạt động trở lại trong điều kiện bình thường mới; văn hóa xã hội có nhiều hoạt động sôi nổi. Các chính sách đảm bảo an sinh xã hội được triển khai kịp thời, thiết thực. Quốc phòng được củng cố vững chắc. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, đời sống Nhân dân ổn định. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 như sau:

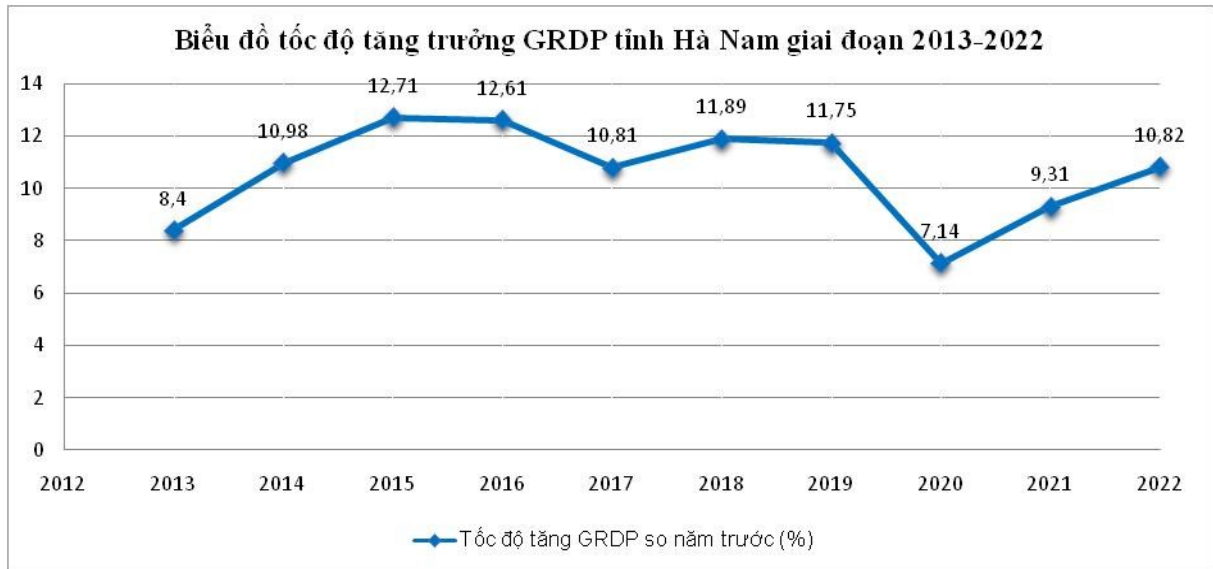
### **I. TÌNH HÌNH KINH TẾ**

#### **1. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2022 (theo giá so sánh 2010) tăng khá so cùng kỳ năm 2021.**

Tổng sản phẩm trong tỉnh ước tính tăng 10,82% so 2021, đây là mức tăng cao nhất trong 3 năm 2020 - 2022 (tuy vẫn chưa đạt được mức tăng trưởng như trước khi xảy ra dịch bệnh Covid-19) và là mức tăng cao thứ 3 trong khu vực đồng bằng sông Hồng, thứ 12 toàn quốc (*Đồng bằng sông Hồng: Hưng Yên +13,41%; Hải Phòng +12,32%; Quảng Ninh +10,28%; Vĩnh Phúc +9,54%; Thái Bình +9,52%; Nam Định +9,07%; Hải Dương +9,0%; Hà Nội +8,89%; Ninh Bình +8,62% và Bắc Ninh +7,39%*).

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,95%, đóng góp 0,17 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 12,96%, đóng góp 8,52 điểm phần trăm, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng

14,21% và đóng góp 7,5 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 8,42%, đóng góp 2,13 điểm phần trăm, trong đó một số ngành dịch vụ có tốc độ tăng cao như: Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy tăng 14,32% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 21,75%; thông tin và truyền thông tăng 8,74%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,24%.



Về cơ cấu kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 8%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 67,3%; khu vực dịch vụ chiếm 24,7%.

Khu vực Công nghiệp, xây dựng ngày càng khẳng định vị trí quan trọng, quyết định tốc độ tăng chung của nền kinh tế. Trong đó, ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn: 90,1% về giá trị sản xuất; 87,40% về giá trị tăng thêm. Ngành xây dựng chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ: 9,9% về giá trị sản xuất và 12,6% về giá trị tăng thêm, tuy nhiên cũng đạt mức tăng trưởng cao (9,4%) trong năm 2022.

## **2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng ổn định.**

Dù trong năm 2022, nông lâm nghiệp, thủy sản phải đối mặt với một số khó khăn do thời tiết diễn biến bất thường, giá phân bón, giá nguyên vật liệu đầu vào, chi phí cho sản xuất... tăng cao tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất, nhưng tỉnh và ngành đã có nhiều giải pháp tháo gỡ kịp thời, hiệu quả. Vì thế, trồng trọt đạt kết quả đáng khích lệ, chăn nuôi ổn định, dịch bệnh trên đàn vật nuôi được kiểm soát tốt, sản xuất lâm nghiệp thuận lợi, nuôi trồng thủy sản phát triển tốt, thị trường tiêu thụ tiếp tục được mở rộng.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá SS 2010) năm 2022 ước đạt 8.434,3 tỷ đồng, tăng 1,96% so với năm 2021, trong đó: giá trị sản xuất nông nghiệp 7.617 tỷ đồng, tăng 1,94%; lâm nghiệp 16 tỷ đồng, tăng 12,9%; thủy sản 801,3 tỷ đồng, tăng 1,98%.

### **a) Nông nghiệp**

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm cả năm 2022 là 76.589,1 ha, giảm 1,5% (-1.467,8 ha)<sup>1</sup> so với năm 2021.

*Cây lương thực có hạt:* diện tích lúa gieo trồng cả năm là 58.551,7 ha, giảm 1,7% (-1.001,3 ha), năng suất bình quân đạt 62,0 tạ/ha (-0,3 tạ/ha), sản lượng ước đạt 363,3 nghìn tấn, giảm 2,1% (-7,7 nghìn tấn). Ngô gieo trồng 5.297,1 ha, giảm 1,4% (-74,7 ha), năng suất bình quân đạt 56,7 tạ/ha (+0,1 tạ/ha), sản lượng đạt 30,0 nghìn tấn, giảm 1,1% (-331,5 tấn) so với cùng kỳ. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2022 đạt 393,3 nghìn tấn, giảm 2,0% (-8,0 nghìn tấn) so với cùng kỳ năm 2021.

*Cây lấy củ có chất bột:* diện tích gieo trồng 604,5 ha, giảm 11,2% so với năm 2021, trong đó: khoai lang gieo trồng 386,2 ha, giảm 6,7% (-27,6 ha), năng suất 125,3 tạ/ha, tăng 2,4 tạ/ha, sản lượng 4.837,9 tấn, giảm 4,9% (-246,9 tấn) so cùng kỳ.

*Cây có hạt chứa dầu:* diện tích gieo trồng 1.151,8 ha, giảm 15,8% (-215,5 ha) so với năm 2021, trong đó: cây đỗ tương trồng được 718,6 ha, giảm 16,2% (-138,9 ha), năng suất 15,5 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha, sản lượng 1.110,6 tấn, giảm 15,0% (-196 tấn); lạc 416,1 ha, giảm 15,4% (-75,8 ha), năng suất 29,3 tạ/ha, tăng 0,1 tạ/ha, sản lượng 1.218,7 tấn, giảm 15,2% (-217,8 tấn).

*Cây rau, đậu, hoa các loại:* diện tích gieo trồng đạt 9.618,3 ha, tăng 0,6% (+53 ha) so với cùng kỳ 2021, trong đó: rau các loại đạt 9.054,7 ha, giảm 0,1% (-8,8 ha), năng suất 190,7 tạ/ha, tăng 2,6 tạ/ha, sản lượng 172,7 nghìn tấn, tăng 1,3% (+2,2 nghìn tấn).

Vụ đông 2022-2023, tính đến trung tuần tháng 12, toàn tỉnh gieo trồng được 8.654,3 ha, đạt 89,1% kế hoạch, trong đó: ngô gieo trồng được 2.135,5 ha, đậu tương 341 ha, khoai lang 252,5 ha, lạc 97 ha, rau đậu các loại 5.374,5 ha...

Tổng diện tích cây lâu năm toàn tỉnh hiện có 6.746,2 ha, tăng 2,7% (+179,5 ha) so với năm 2021, trong đó diện tích trồng cây ăn quả ước đạt 6.307,6 ha, tăng 2,9% (+178,4 ha). Hầu hết diện tích đã cho thu hoạch ổn định nên năng suất, sản lượng các cây ăn quả chủ yếu của tỉnh đều tăng cao so với năm trước, cụ thể: chuối năng suất đạt 127,3 tạ/ha, tăng 4,0 tạ/ha, sản lượng ước đạt 22,7 nghìn tấn, tăng 4,4%; bưởi năng suất 101,8 tạ/ha, tăng 4,7 tạ/ha, sản lượng 6,2 nghìn tấn, tăng 5,1%; nhãn năng suất 41,2 tạ/ha, tăng 1,3 tạ/ha, sản lượng 6,2 nghìn tấn, tăng 4,2%...

Chăn nuôi trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, dịch bệnh trên đàn vật nuôi cơ bản được kiểm soát tốt. Mặc dù trong năm ngành chăn nuôi phải đối mặt với

<sup>1</sup> Trong đó: diện tích vụ đông xuân 2022 giảm 936,8 ha và vụ mùa giảm 531 ha, nguyên nhân giảm chủ yếu do thu hồi đất để xây dựng các công trình công ích, nhà ở dân sinh ..., một số diện tích chuyển sang nuôi trồng thủy sản, trồng cây lâu năm.

việc giá thức ăn chăn nuôi, thuốc thú ý, chi phí sản xuất tăng nhưng với sự nỗ lực khắc phục khó khăn của ngành và kinh nghiệm sản xuất của các hộ nuôi, số đầu con và sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm đều tăng so với cùng kỳ năm 2021. Giá bán các sản phẩm ít biến động, thị trường tiêu thụ ổn định tạo điều kiện để người nuôi yên tâm sản xuất, tái đàn.

Số lượng con nuôi ước tính đến thời điểm 31/12/2022 và so cùng kỳ 2021: Đàn trâu 3.670 con, tăng 0,6%; đàn bò 33.420 con, tăng 1,9%, trong đó bò sữa 4.600 con, tăng 2,9%; tổng đàn lợn 372,4 nghìn con, tăng 0,6%; tổng đàn gia cầm 8,9 triệu con, tăng 4,0%, trong đó gà xấp xỉ 6 triệu con, tăng 5,2%.

Sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm xuất chuồng năm 2022 đạt 98.073 tấn, tăng 3,0% so với năm 2021, trong đó thịt lợn hơi xuất chuồng 71.800 tấn, tăng 1,7%; thịt trâu hơi 176 tấn, tăng 1,7%; thịt bò hơi 2.354 tấn, tăng 3,3%; thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 24.520,5 tấn, tăng 7,8% so cùng kỳ năm 2021.

### ***b) Lâm nghiệp***

Năm 2022, số cây lâm nghiệp trồng phân tán là 935 nghìn cây, tăng gấp 2 lần (+596,6 nghìn cây) so với cùng kỳ năm 2021; ương giống cây lâm nghiệp đạt 32,5 nghìn cây, tăng 3,2% (+1,0 nghìn cây) so cùng kỳ. Công tác chăm sóc và bảo vệ rừng hiện có được đảm bảo và duy trì thường xuyên, diện tích rừng được giao khoán bảo vệ là 2.935,1 ha. Công tác phòng chống cháy rừng tiếp tục được sự quan tâm phối hợp của các ngành chức năng.

Ước tính sản lượng lâm nghiệp năm 2022, gỗ khai thác (chủ yếu là từ rừng trồng) đạt 1.958,7 m<sup>3</sup>, tăng 0,1%; củi khai thác 252,2 ster, giảm 3,3% so cùng kỳ năm trước.

### ***c) Thủy sản***

Tổng sản lượng thủy sản năm 2022 đạt 25.027,4 tấn, tăng 2,3% so với năm 2021, trong đó: sản lượng cá đạt 24.836,1 tấn, tăng 2,1%, sản lượng tôm đạt 53,1 tấn, tăng gần gấp đôi, thủy sản khác đạt 138,2 tấn, tăng 10,9% so với cùng kỳ.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng cả năm 2022 đạt 24.567,6 tấn, tăng 2,3% so với năm 2021, trong đó: sản lượng cá 24.491,1 tấn, tăng 2,2%, sản lượng tôm đạt 26 tấn, sản lượng thủy sản khác 50,5 tấn, tăng 51,7% so cùng kỳ.

Sản lượng thủy sản khai thác năm 2022 toàn tỉnh đạt 459,8 tấn, bằng 98,3% so với năm 2021, trong đó: cá khai thác đạt 345 tấn; tôm khai thác 27,1 tấn, giảm 1,8%, sản lượng thủy sản khác đạt 87,7 tấn.

### **3. Sản xuất công nghiệp tăng trưởng cao, giữ vai trò quyết định trong mức tăng chung của tỉnh**

Ngành sản xuất công nghiệp có nhiều khởi sắc sau khi dịch bệnh Covid-19 cơ bản đã được kiểm soát, dù tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do những biến động của kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu, xăng dầu, tỷ giá USD/VNĐ tăng cao; chuỗi cung ứng bị đứt gãy, lạm phát ở nhiều nước, nhu cầu tiêu dùng thị trường thế giới giảm. Tuy nhiên, với sự đồng hành và gắn kết chặt chẽ giữa Nhà nước và doanh nghiệp trong năm 2022, Hà Nam đã kịp thời triển khai các giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi giúp doanh nghiệp tiếp cận các gói chính sách, hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Nghị định số 36/2022/NĐ-CP của Chính phủ; xúc tiến xuất khẩu, tận dụng các cam kết trong các FTA đã ký và thông qua các chuỗi giá trị toàn cầu để tìm kiếm thị trường mới tạo động lực cho ngành sản xuất công nghiệp phát triển.

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp năm 2022 ước tính tăng 14,61% so với năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò chủ đạo, thúc đẩy tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp với mức tăng 15,24%, đóng góp 7,43 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh; ngành khai khoáng tăng 6,83%, đóng góp 0,17 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 3,85%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,46%, đóng góp 0,01 điểm phần trăm.

Tính chung cả năm 2022, chỉ số sản xuất (IIP) toàn ngành công nghiệp ước tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 4,5%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14,6%; sản xuất và phân phối điện khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 4,3%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 1,3%.

Chỉ số sản xuất năm 2022 của một số ngành công nghiệp cấp II có tỷ trọng lớn tăng cao so với năm trước: Sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 22,9%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 23,4%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 18,4%; sản xuất đồ uống tăng 24,3%. Ngược lại, chỉ số IIP của một số ngành giảm mạnh so với năm trước: Dệt giảm 16,8%; sản xuất kim loại giảm 17,2%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu giảm 7,3%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực năm 2022 tăng cao so với năm trước: xi măng và clinker tăng 29,4%; linh kiện điện tử tăng 16,9%; đồ chơi trẻ em tăng 27,4%... Một số sản phẩm giảm so với năm trước: vải các loại giảm 4%; sợi các loại giảm 19,9%...

Năm 2022, chỉ số sử dụng lao động tăng 0,36% so với cùng kỳ, trong đó ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 1,24%; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 3,05%.

#### **4. Công tác thu hút đầu tư tiếp tục được quan tâm, các chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp được triển khai kịp thời**

Theo Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nam, Tính đến ngày 15/12/2022, số lượng doanh nghiệp đăng ký mới năm 2022 trên địa bàn toàn tỉnh là 777 doanh nghiệp, với tổng số vốn đăng ký đạt 10.513,2 tỷ đồng; có 521 DN tạm ngừng hoạt động và 68 DN giải thể.

Từ đầu năm đến ngày 30/11/2022, thu hút 54 dự án, thực hiện điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư 60 dự án với tổng vốn đăng ký mới và điều chỉnh là 549,7 triệu USD và 13.069,7 tỷ đồng, trong đó:

- Thu hút đầu tư trong nước: tính từ đầu năm đến 30/11/2022, toàn tỉnh cấp mới 37 dự án đầu tư trong nước (tăng 54,2% so với cùng kỳ năm trước) với tổng số vốn đăng ký đạt 13.226,6 tỷ đồng; thực hiện điều chỉnh giảm vốn đầu tư 24 dự án trong nước với tổng vốn đầu tư giảm 156,9 tỷ đồng.

- Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): trong tháng 11/2022, tỉnh cấp mới 05 dự án với tổng vốn đăng ký là 96,3 triệu USD. Lũy kế từ đầu năm đến 30/11/2022, toàn tỉnh có 17 dự án FDI đăng ký mới (giảm 5,6% so với cùng kỳ năm trước) với tổng số vốn đăng ký đạt 175 triệu USD; thực hiện điều chỉnh tăng 36 dự án FDI với tổng vốn đầu tư tăng 374,7 triệu USD.

Lũy kế từ đầu năm đến ngày 15/12/2022, trên địa bàn tỉnh Hà Nam có 1.116 dự án đầu tư còn hiệu lực, trong đó có 357 dự án FDI và 759 dự án trong nước với vốn đăng ký 5.053,4 triệu USD và 158,7 nghìn tỷ đồng.

#### **5. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2022 tăng khá so 2021**

Vốn đầu tư đạt mức tăng 7,6% so với năm trước, đây là mức tăng cao nhất kể từ năm 2019 trở lại đây sau khi dịch Covid-19 cơ bản đã được kiểm soát<sup>2</sup>.

Cụ thể, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2022 ước đạt 38.441,3 tỷ đồng, tăng 7,6% so với năm trước, trong đó vốn khu vực Nhà nước đạt 5.469,7 tỷ đồng, chiếm 14,2% tổng vốn, tăng 94,8% so với năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 23.731,4 tỷ đồng, chiếm 61,7%, bằng 100% so với năm trước; khu vực vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 9.240,2 tỷ đồng, chiếm 24,1%, tăng 0,8% so với năm trước.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

<sup>2</sup> Tốc độ tăng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2022: Năm 2019 tăng 6,03%; năm 2020 tăng 5,72%; năm 2021 tăng 4,06%.

năm 2022, ước đạt 3.959,9 tỷ đồng, tăng gấp 2,6 lần so với năm trước, trong đó vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh là 2.519,2 tỷ đồng, tăng gấp 3,9 lần; vốn cấp huyện là 1.310,7 tỷ đồng, tăng 94,9%; vốn cấp xã là 130 tỷ đồng, giảm 28,2% .

Khối lượng vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh thực hiện trong năm 2022 tập trung đẩy mạnh ở các công trình, dự án lớn, trọng tâm như: đường qua khu công nghiệp Thái Hà; tuyến đường Lê Công Thanh kéo dài; đường kết nối QL 38B đến đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và cầu Giẽ - Ninh Bình. Bên cạnh đó, những dự án mới và các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu, hệ thống xử lý nước thải, nạo vét kênh mương chống ngập úng, xử lý vệ sinh môi trường, các cơ sở y tế, trường học, an ninh, quốc phòng...trên địa bàn tỉnh cũng được quan tâm đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp.

## **6. Chính sách tiền tệ, tín dụng**

Năm 2022, mặt bằng lãi suất huy động, cho vay của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh khá đồng đều, các tháng cuối năm có sự điều chỉnh tăng so với 6 tháng đầu năm, phù hợp với điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đồng thời đảm bảo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về trần lãi suất huy động VND, USD.

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Hà Nam, ước thực hiện đến 31/12/2022, huy động vốn của các tổ chức tín dụng đạt 59,4 nghìn tỷ đồng, tăng 9,2% so với thời điểm 31/12/2021; dư nợ tín dụng toàn tỉnh đạt 66 nghìn tỷ đồng, tăng 14,6% so với thời điểm 31/12/2021; tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ là 3,47%, tăng 0,83% so với thời điểm 31/12/2021.

- *Đối với VND*: Lãi suất huy động tiền gửi phổ biến ở mức 4 – 4,5%/năm đối với kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng, từ 4,5 - 6%/năm đối với kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, từ 6 - 7%/năm đối với kỳ hạn trên 12 tháng. Lãi suất cho vay phổ biến ở mức 7 – 9,5%/năm đối với ngắn hạn, 8 – 10,5%/năm đối với trung và dài hạn.

- *Đối với USD*: Lãi suất huy động là 0%/năm đối với tiền gửi của tổ chức và cá nhân. Lãi suất cho vay phổ biến ở mức 3,5 - 5%/năm đối với ngắn hạn, từ 4 - 5,5%/năm đối với trung và dài hạn.

## **7. Hoạt động thương mại, dịch vụ**

Năm 2022, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh được phục hồi và tăng trưởng trở lại sau thời gian dài chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2022 ước đạt 41.228,6 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: tổng mức bán lẻ ước đạt 34.142,6 tỷ đồng, tăng 32,0%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 2.787,2 tỷ đồng, tăng 48,3%; doanh thu du lịch lữ hành 340 tỷ đồng, tăng gấp gần

33 lần; doanh thu dịch vụ khác 3.958,8 tỷ đồng, tăng 17,7% so cùng kỳ.

Năm 2022, ngành vận tải phục hồi nhanh chóng sau thời gian dài chịu ảnh hưởng nặng nề do dịch Covid-19. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải năm 2022 ước đạt 5.215,7 tỷ đồng, tăng 27,8% so cùng kỳ năm 2021. Vận tải hành khách ước đạt 5,8 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 39,3% và luân chuyển 422,0 triệu lượt khách.km, tăng 39,7% so với cùng kỳ 2021. Vận tải hàng hóa ước đạt 47,1 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 19,0% và luân chuyển 2.117,2 triệu tấn.km, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Thị trường hàng hóa, dịch vụ năm 2022 có nhiều biến động, giá các mặt hàng thiết yếu chịu ảnh hưởng lớn từ các biến động giá của các mặt hàng nhiên, nguyên vật liệu, năng lượng trên thị trường thế giới. Bình quân năm 2022, chỉ số giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tăng 3,36% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó:

- Có 10/11 nhóm hàng hóa có chỉ số giá tăng so với cùng kỳ năm 2021: Giao thông +13,34%; may mặc, mũ nón và giày dép +4,39%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng +3,41%; thiết bị và đồ dùng gia đình +3,13%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống +3,05%; hàng hóa và dịch vụ khác +1,61%; đồ uống và thuốc lá +1,55%; giáo dục +1,40%; văn hóa, giải trí và du lịch +0,97%; thuốc và dịch vụ y tế +0,01%.

- Có 01/11 nhóm hàng hóa có chỉ số giảm so cùng kỳ năm 2021: bưu chính viễn thông -0,09%.

Chỉ số giá vàng và giá đô la Mỹ bình quân năm 2022 biến động cùng chiều tăng, chỉ số giá vàng +3,04%, giá đô la Mỹ +2,29% so với cùng kỳ.

## **II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

### **1. Dân số trung bình**

Năm 2022, dân số trung bình tỉnh Hà Nam ước tính 878.052 người, tăng 2.836 người, tương đương tăng 0,32% so với năm 2021.

Trong tổng dân số, dân số thành thị 245.957 người chiếm 28%; dân số nông thôn 632.095 người, chiếm 72%; nam 434.812 người, chiếm 49,3%; nữ 443.240 người, chiếm 50,7%. Tỷ số giới tính của dân số tỉnh Hà Nam năm 2022 là 98,1 nam/100 nữ.

### **2. Tình hình lao động, việc làm**

Năm 2022 có nhiều chuyển biến tích cực, thị trường lao động dần hồi phục trở lại sau khi tình hình dịch Covid-19 được kiểm soát, các hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại trạng thái bình thường, nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ người lao động được triển khai kịp thời đã góp phần tích cực trong công tác giải quyết việc làm, ổn định thu nhập, ổn định đời sống cho người lao động.



Ước tính lực lượng lao động từ 15 tuổi trở là 486.057 người, tăng 0,71% so với năm 2021; lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc là 475.546 người, tăng 0,18% so với năm 2021. Theo báo cáo của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam, trong năm 2022 toàn tỉnh giải quyết việc làm mới cho 26.587 người (đạt 115,5% KH năm), trong đó xuất khẩu lao động là 978 người; giải quyết việc làm thêm cho 26.849 người; có 40.343 lượt người được tư vấn về việc làm, học nghề, du học và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; 16.754 lượt người được giới thiệu việc làm; tổ chức sản giao dịch việc làm: 36 phiên, trong đó tại đơn vị: 11 phiên, lưu động: 07 phiên, online: 09 phiên, chuyên biệt: 08 phiên, ngày hội việc làm: 01 phiên; có 1.207 doanh nghiệp tham gia tuyển dụng việc làm; phối hợp với Chính quyền quận Bonghwa-Gun tỉnh Gyeongsangbuk, Đại Hàn Dân quốc đưa 37 lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc.

### **3. Đời sống dân cư**

Đời sống dân cư trên địa bàn tỉnh còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, giá cả hàng hóa trong năm biến động tăng khá cao, Trong điều kiện như vậy, được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự cố gắng nỗ lực của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và người lao động nên đời sống của các tầng lớp dân cư trong tỉnh cơ bản vẫn giữ ở mức ổn định so năm trước.

Trong năm, tỉnh đã hỗ trợ cho 3.208 doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh và 167.854 lượt người với tổng số tiền là 99.125 triệu đồng.

Thăm hỏi và tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần cho người có công và thân nhân người có công với tổng giá trị tiền mặt và hiện vật quy ra là 27,24 tỷ đồng. Nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7/2022, toàn tỉnh có 27.514 người có công được nhận quà tặng của Chủ tịch nước với số tiền là 8,45 tỷ đồng; quà của tỉnh tặng cho 27.660 người có công với trị giá 16,74 tỷ đồng. Tổ chức xét duyệt 8.000 hồ sơ người có công các loại, giải quyết mai táng phí, điều chỉnh trợ cấp... cho đối tượng người có công được thụ hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật đạt 100%. Lập hồ sơ đề nghị truy tặng 05 Mẹ Việt Nam anh hùng, phối hợp các huyện, thị xã, thành phố tổ chức trao quà của Quỹ Thiện Tâm tập đoàn Vingroup cho đối tượng thương bệnh binh nặng có tỉ lệ tổn thương cơ thể 81% trở lên trên địa bàn tỉnh.

Công tác xóa đói, giảm nghèo tiếp tục được quan tâm (tỷ lệ hộ nghèo 2,69% giảm 1,0% so với năm 2021 và vượt kế hoạch năm 2022 đề ra là 0,46%; tỷ lệ hộ cận nghèo 2,67%, giảm 0,86% so với năm 2021). Sở Lao động Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh và UBND các huyện, thành phố tổ chức mua và cấp thẻ BHYT cho 11.466 người thuộc diện hộ nghèo, 16.482 người thuộc diện hộ cận nghèo và 90.974 thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi.

Toàn tỉnh đang quản lý và thực hiện chi trả trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng cho trên 45.300 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng số tiền trên 24 tỷ đồng/tháng.

Đời sống người lao động từng bước được cải thiện, công nhân lao động cơ bản có việc làm thường xuyên với mức thu nhập từ 5 triệu đến 7,5 triệu đồng/người/tháng.

#### **4. Giáo dục, đào tạo**

Năm học 2021-2022, ngành Giáo dục của tỉnh đã phối hợp cùng với các cấp, các ngành trong tỉnh thực hiện hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ đề ra.

Tổ chức thành công kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia năm 2022 theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT năm 2022 của tỉnh Hà Nam đạt 99,17%, điểm trung bình các môn thi của thí sinh trong toàn tỉnh đạt 6,760 điểm/môn/thí sinh và xếp thứ 7 toàn quốc.

Trong năm 2022 ngành Giáo dục - Đào tạo Hà Nam tiếp tục duy trì ổn định mạng lưới giáo dục các cấp; hiện nay toàn tỉnh Hà Nam có 377 trường và trung tâm giáo dục thường xuyên, trong đó: mầm non 119 trường; tiểu học 116 trường, THCS 111 trường, THPT 25 trường, 1 trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh và 5 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện; số lớp học và nhóm học có 6.529 (công lập 6.264, ngoài công lập 265); có 221.292 học sinh (mầm non 57.164 học sinh, tiểu học 82.137 học sinh, THCS 52.468 học sinh, THPT 23.758 học sinh, giáo dục thường xuyên 5.765 học sinh).

Hoàn thành tốt công tác tuyển sinh đầu cấp ở các cấp học, thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên và đại trà; kết quả tuyển sinh năm học 2022-2023: Tuyển mới vào lớp 1 tổng số 14.805 học sinh, đạt 100% so với dân số độ tuổi; tuyển mới vào lớp 6 tổng số 14.150/14.184 đạt tỷ lệ 99,76% so với học sinh tốt nghiệp tiểu học năm học 2021-2022; tuyển sinh vào lớp 10 THPT và Bổ túc THPT tổng số 9.808/12.305 đạt tỷ lệ 79,71% so với học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2021-2022.

Kết quả thi học sinh giỏi: Trong năm học 2021-2022, tỉnh Hà Nam có 45 học sinh dự thi đạt giải Quốc gia THPT, gồm: 01 giải nhất, 07 giải nhì, 11 giải ba, 26 giải khuyến khích; có 01 học sinh tham dự Olympic quốc tế môn Hóa học và đạt huy chương vàng; có 1.441 học sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi lớp 10, 11, 12 cấp tỉnh, gồm: 65 giải nhất, 291 giải nhì, 529 giải ba, 556 giải khuyến khích; có 261 học sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh, với 08 giải nhất, 58 giải nhì, 94 giải ba và 101 giải khuyến khích; thi học viên giỏi cấp tỉnh (năm học 2021-2022): Có 30 học viên đạt giải, gồm: 02 giải nhất, 06 giải nhì, 09 giải ba, 13 giải khuyến khích; thi HSG thể dục thể thao: Có 120 tập thể và cá nhân đạt giải, gồm: 34 giải nhất, 34 giải nhì và 52 giải ba.

Sở Giáo dục - Đào tạo đã tích cực phối hợp với các Sở, ban ngành tham

muu với UBND tỉnh Hà Nam chỉ đạo các chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng đẩy nhanh tiến độ, bàn giao cơ sở vật chất phục vụ kịp thời cho năm học mới 2022-2023. Toàn tỉnh có 6.394 phòng học, có 6.365 phòng học kiên cố tỷ lệ kiên đạt 99,54% cụ thể: mầm non có 1.973 phòng học, có 1.965 phòng học kiên cố đạt 99,59%; tiểu học có 2.472 phòng học, có 2.463 phòng học kiên cố đạt 99,64%; trung học cơ sở có 1.370 phòng học trong có 1.358 phòng học kiên cố đạt 99,12%; trung học phổ thông có 579 phòng học, có 579 phòng học kiên cố đạt 100%. Sửa chữa và đóng mới được 15.499 chỗ ngồi, trong đó mua mới 8.500 chỗ ngồi với tổng kinh phí 7.726 triệu đồng; mua sắm 5.084 thiết bị với tổng kinh phí 18.915 triệu đồng; mua sắm thêm 43.538 bộ sách giáo khoa mới với tổng kinh phí 2.747 triệu đồng.

### **5. Lĩnh vực Y tế**

Ngành Y tế tập trung đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh, thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch Covid-19, đồng thời giám sát các bệnh dịch khác phát sinh theo mùa; thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh cho người nghèo, người cận nghèo, trẻ em, các đối tượng chính sách; chăm sóc, điều trị kịp thời cho bệnh nhân đến khám và điều trị.

Theo báo cáo của Sở Y tế tỉnh Hà Nam, tính từ đầu năm 2022 đến ngày 15 tháng 12/2022, trên địa bàn tỉnh có 142 người mắc tay chân miệng; quai bị 22 người; sốt xuất huyết Dengue 965 người; thủy đậu 76 người; cúm 7.119 người. Một số bệnh có xu hướng gia tăng so với cùng kỳ năm 2021, như bệnh quai bị, thủy đậu, đặc biệt là bệnh sốt xuất huyết Dengue (năm 2021 là 323 người, năm 2022 là 965 người).

Năm 2022 trên địa bàn tỉnh có 26 người nhiễm HIV mới; số bệnh nhân AIDS ghi nhận mới là 02 người; tổng số bệnh nhân tử vong do AIDS là 06 người.

### **6. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội**

Năm 2022, công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững. Ngành Công an đã phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng và chính quyền địa phương tiếp tục tăng cường các lực lượng tuần tra, kiểm soát, đẩy mạnh phòng ngừa tội phạm; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm giao thông, đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

Theo số liệu của Công an tỉnh, trong năm 2022 (tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/12/2022), trên địa bàn tỉnh xảy ra 120 vụ tai nạn và va chạm giao thông (tăng 04 vụ so cùng kỳ năm 2021), hậu quả làm chết 67 người (tăng 01 người so với cùng kỳ năm 2021), bị thương 73 người (tăng 03 người so với cùng kỳ năm 2021). Tính riêng trong tháng 12 (từ ngày 15/11/2022 đến ngày 14/12/2022), trên địa bàn tỉnh xảy ra 19 vụ tai nạn và va chạm giao thông (tăng 04 vụ so với cùng kỳ năm 2021), so với tháng 11 năm 2022 tăng 02 vụ, làm chết 05

người (giảm 02 người so với cùng kỳ năm 2021), so với tháng 11 năm 2022 giảm 07 người, bị thương 15 người (tăng 04 người so với cùng kỳ năm 2021), so với tháng 11 năm 2022 tăng 08 người. Theo số liệu của Công an tỉnh, năm 2022 trên địa bàn tỉnh xảy ra 6 vụ cháy, ước tính thiệt hại 8.003,5 triệu đồng.

### **7. Công tác Vệ sinh môi trường**

Trên địa bàn tỉnh, năm 2022 đã và đang tiếp tục duy trì thực hiện tương đối tốt công tác vệ sinh môi trường. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh đã đi vào nề nếp, ý thức của người dân về công tác thu gom rác đã chuyển biến tích cực.

Tỷ lệ rác thải đô thị được thu gom đạt 100%, trong đó xử lý đạt 100%, tỷ lệ rác thải nông thôn được thu gom, xử lý đạt 98%.

Công tác xử lý vi phạm vệ sinh môi trường: Trong năm 2022 số vụ vi phạm môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Nam là 136 vụ, số vụ xử phạt 133 vụ, số tiền phạt là 157,83 triệu đồng./.

## **CỤC THỐNG KÊ HÀ NAM**